TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126**/2026/HN-ST
Ngày: 05/05/2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 05 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐ-ST ngày 10/04/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 88/2026/QĐST-HN ngày 20/04/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Định Nghĩa, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nhưng không có hướng khắc phục làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng 30 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 19/04/1984, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 10/05/1986 và Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 26/12/1988 các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Bà K yêu cầu được ly hôn với ông P. Bà K cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nhưng không có hướng khắc phục làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà K và ông P là có thật, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nhưng không có giải pháp khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông, bà đã ly thân hơn 30 năm giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập ông P nhiều lần đến Tòa để hòa giải với bà K nhưng ông P không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh ông P cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông P là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 19/04/1984, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 10/05/1986 và Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 26/12/1988 các con chung đã trưởng thành, bà K không yêu cầu Toà án giải quyết và ông P không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Bà K trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông P không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông P không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng bà K phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K.

Cụ thể tuyên:

1. Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 19/04/1984, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 10/05/1986 và Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 26/12/1988 các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3.Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị K trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết và ông Nguyễn Văn P không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị K trình bày không có và ông Nguyễn Văn P không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị K phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000008 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được

tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến